

Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động thu hút FDI vào ngành công nghiệp chế biến nông sản công nghệ cao tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long

NGUYỄN THỊ THƯƠNG*
NGUYỄN PHƯƠNG THẢO**
THÁI THỊ PHƯƠNG THẢO***
VŨ HẠNH NGUYỄN****
LÊ THỊ THANH TRÀ*****
SÁI THỊ HOÀI LINH*****

Tóm tắt

Bài viết xem xét các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), sử dụng phương pháp định tính và định lượng cho dữ liệu bảng tại các tỉnh trên địa bàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) giai đoạn 2015-2022. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 5 nhân tố ảnh hưởng tích cực đến Hoạt động thu hút FDI vào ngành công nghiệp chế biến nông sản công nghệ cao tại vùng ĐBSCL theo thứ tự tác động giảm dần gồm: Cơ sở hạ tầng; Quy mô thị trường; Luật pháp và cơ chế chính sách; Số lượng lao động; Chất lượng lao động.

Từ khóa: FDI, công nghiệp chế biến nông sản, công nghệ cao, vùng Đồng bằng Sông Cửu Long

Summary

The article examines the factors affecting foreign direct investment (FDI) attraction, using qualitative and quantitative methods for panel data in provinces in the Mekong Delta region in the period 2015-2022. The research results reveal 5 factors that positively affect FDI attraction in the high-tech agricultural product processing industry in the Mekong Delta in a descending order of impact as follows: Infrastructure; Market size; Laws and mechanisms and policies; Number of employees; Labor quality.

Keywords: FDI, agricultural product processing industry, high technology, Mekong Delta region.

GIỚI THIỆU

FDI đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc tăng trưởng và phát triển nền kinh tế vùng ĐBSCL nói chung và lĩnh vực công nghiệp chế biến nông sản tại đây nói riêng. Vì vậy, việc xem xét các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình thu hút FDI tại các tỉnh trên địa bàn vùng ĐBSCL giai đoạn 2015-2022 là rất cần thiết. Kết quả nghiên cứu sẽ giúp các tỉnh trên địa bàn vùng ĐBSCL có những giải pháp trong việc nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng, hoàn thiện chính sách, nâng cao chất lượng lao động, từ đó thúc đẩy tác động tích cực của nhân tố tới hoạt động thu hút FDI vào ngành công nghiệp

chế biến nông sản công nghệ cao tại Vùng (Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế).

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết và giả thuyết nghiên cứu

Shiba Shankar (2016) đã thực hiện nghiên cứu các nhân tố gồm GDP, độ mở thương mại và tỷ giá hối đoái tác động như thế nào đến dòng vốn FDI chảy vào Ấn Độ. Tác giả cho rằng, tiềm năng phát triển của thị trường tốt hơn giúp các công ty nước ngoài đảm bảo được lợi nhuận thu về, do đó GDP ở nước đầu tư cao và liên tục tăng là một sự khuyến khích cho các doanh nghiệp nước ngoài rời nước nhà để đầu tư vào quốc gia khác. Vì vậy, giả thuyết nghiên cứu được đưa ra như sau:

* TS., ** , *** , **** , ***** SV., Khoa Đầu tư - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Ngày nhận bài: 15/3/2023; Ngày phản biện: 10/4/2023; Ngày duyệt đăng: 15/4/2023

BẢNG 1: CÁC BIẾN SỐ ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG NGHIÊN CỨU

Ký hiệu	Mô tả biến	Cách đo lường (đơn vị tính)	Nguồn dữ liệu	Hướng tác động
LnFDI	FDI	Logarit vốn FDI thực hiện theo địa phương vào ngành công nghiệp chế biến nông sản (tỷ đồng)	Niên giám thống kê địa phương	
LnGRDP	Tổng sản phẩm trên địa bàn (Quy mô thị trường)	Logarit của GRDP của địa phương (tỷ đồng)	Niên giám thống kê địa phương	+
LnKLV	Khối lượng hàng hóa vận chuyển (Cơ sở hạ tầng)	Logarit khối lượng hàng hóa vận chuyển của ngành công nghiệp chế biến nông sản theo địa phương (triệu tấn)	Tổng cục Thống kê	+
CSDT	Chính sách đầu tư (Luật pháp và cơ chế chính sách)	Biến giả - CSDT = 1: Nếu quan sát thuộc thời kỳ 2020-2022 - CSDT = 0: Nếu quan sát trong những năm khác		+
SL	Số lượng lao động	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong ngành công nghiệp chế biến nông sản so với tổng dân số theo địa phương (%)	Tổng cục Thống kê	+
CL	Chất lượng lao động	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc đã qua đào tạo của ngành công nghiệp chế biến nông sản theo địa phương (%)	Tổng cục Thống kê	+

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

Giả thuyết 1: Quy mô thị trường ảnh hưởng tích cực đến Thu hút dòng vốn FDI.

Nghiên cứu của Kelly Liu và Kevin Daly (2011) đã đưa ra các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp FDI vào ngành sản xuất công nghệ thấp và công nghệ cao trên ba vùng địa lý của Trung Quốc. Nhóm tác giả chỉ ra rằng, ngoài quy mô thị trường, chi phí và chất lượng lao động thì nhân tố kết cấu hạ tầng ảnh hưởng lớn nhất đến mức độ thu hút FDI vào công nghệ cao. Giao thông vận tải phát triển đầy đủ các loại hình, như: đường cao tốc, đường sắt, giao thông đường thủy, hàng không và được khai thác hiệu quả có thể ảnh hưởng tích cực đến chi phí và doanh thu của một doanh nghiệp kinh doanh và do đó, ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn địa điểm đầu tư của họ. Cơ sở hạ tầng càng hiện đại, tương ứng với quy mô của địa phương thì dòng vốn FDI chảy vào càng lớn. Theo Cheng và Kwan (2000), sự phát triển của kết cấu hạ tầng đường cao tốc lý giải một phần cho dòng vốn FDI đổ vào vùng ven biển nhiều hơn so với khu vực phía trong và phía Tây của Trung Quốc.

Giả thuyết 2: Cơ sở hạ tầng ảnh hưởng tích cực đến Thu hút dòng vốn FDI.

Pravakar Sahoo (2006) thực hiện nghiên cứu chính sách đầu tư đối với các doanh nghiệp FDI của các nước nằm ở miền Nam châu Á, đặc biệt là ở Ấn Độ và Pakistan. Với một nước nghèo tài nguyên như Ấn Độ, Chính phủ luôn sẵn sàng tiếp nhận vốn đầu tư nước ngoài với các chính sách tương đối “cởi mở” cho các doanh nghiệp FDI và được xem xét, thay đổi thường xuyên, phù hợp với các ngành khác nhau, thậm chí các chính

sách đầu tư nước ngoài được công bố hàng năm. Tác giả nhận định rằng, nhờ hệ thống pháp luật đầu tư rất thông thoáng và nhiều ưu đãi này, Ấn Độ hiện nay đã và đang có những chính sách đầu tư hấp dẫn các doanh nghiệp FDI nhất khu vực Nam Á và trở thành nền kinh tế lớn thứ 5 thế giới. Ngoài ra, Dr. Shekhar Verma và Anil Kumar (2021) cũng nhận định, sự gia tăng ấn tượng trong đầu tư nước ngoài nhờ vào chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp công nghệ cao từ dòng vốn FDI ở Ấn Độ những năm gần đây. Vì vậy, giả thuyết nghiên cứu được đưa ra như sau:

Giả thuyết 3: Luật pháp và cơ chế chính sách ảnh hưởng tích cực đến Thu hút dòng vốn FDI.

Kazuhiko Yokota và Akinori Tomohara (2010) chỉ ra rằng, chất lượng nguồn nhân lực và quyết định đầu tư vào áp dụng công nghệ cao của các doanh nghiệp FDI có tác động cùng chiều. Cụ thể, các nước khan hiếm lao động có kỹ năng chỉ có tác động lan tỏa tới các ngành công nghệ thấp, trong khi các nước dồi dào lao động lành nghề có tác động lan tỏa tích cực tới các ngành công nghệ cao. Mức độ lan tỏa công nghệ ở các nước khan hiếm lao động lành nghề nhỏ hơn ở các nước dồi dào lực lượng lao động có trình độ cao.

Tuy nhiên, nghiên cứu của Kelly Liu, Kevin Daly và Maria Estela Varua (2012) lại cho rằng chất lượng lao động tác động không đáng kể đến thu hút dòng vốn FDI công nghệ cao bởi các nhà đầu tư nước ngoài không đánh giá cao hiệu quả của hoạt động đào tạo lao động ở khu vực ven biển Trung Quốc. Thay vào đó, doanh nghiệp nước ngoài sẵn sàng nâng cao năng lực lao động thông qua đào tạo tại chỗ. Vì vậy, các giả thuyết nghiên cứu được đưa ra như sau:

Giả thuyết 4: Số lượng lao động ảnh hưởng tích cực đến Thu hút dòng vốn FDI.

Giả thuyết 5: Chất lượng lao động ảnh hưởng tích cực đến Thu hút dòng vốn FDI.

Phương pháp nghiên cứu và nguồn dữ liệu

Nghiên cứu được thực hiện nghiên cứu trong phạm vi 13 tỉnh/thành gồm: TP. Cần Thơ, tỉnh An Giang, tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Long An, tỉnh Tiền Giang, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Bến Tre, tỉnh Trà Vinh, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang, tỉnh Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau và tỉnh Kiên Giang trong giai đoạn 8 năm, 2015-2022.

Mô hình hồi quy tác động của các biến độc lập đến biến phụ thuộc có dạng:

$$\ln FDI_{it} = \beta_0 + \beta_1 \ln GRDP_{it} + \beta_2 \ln KLVC_{it} + \beta_3 CSDT_{it} + \beta_4 SL_{it} + \beta_5 CL_{it} + e_{it}$$

Trong đó:

$i = 1, 2, \dots, N$, với N là số địa phương trong mẫu nghiên cứu, $t = 1, 2, \dots, T$, với T là giai đoạn nghiên cứu

e là hệ số, sai số

Các biến độc lập được mô tả như Bảng 1.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Để kiểm định tính dừng đối với các biến chuỗi thời gian, nhóm tác giả lựa chọn kiểm định PP-Fisher Chi-square với mẫu lớn và kết quả các biến đều là chuỗi thời gian dừng với mức ý nghĩa chấp nhận được ở mức ý nghĩa 5%.

Qua phân tích số liệu nhờ phần mềm Eviews 10, kết quả của thống kê mô tả các biến được mô tả trong Bảng 2 và thống kê tương quan giữa các biến thể hiện trong Bảng 3.

Bảng 3 cho thấy, quan hệ tương quan giữa các biến là không lớn, và khả năng về hiện tượng đa cộng tuyến lẫn nhau không nhiều. Điều này cho phép tiến hành triển khai một mô hình có mức độ khả thi tương đối cao trong việc thực hiện các kiểm định trong kinh tế lượng.

Việc mô tả các kết quả ước lượng để xem xét các tác động của các biến GRDP, Khối lượng vận chuyển đường thủy, Chính sách đầu tư, Chất lượng lao động, Số lượng lao động đến dòng vốn FDI được thể hiện trong Bảng 4.

Bảng 4 cho thấy, sự tác động cùng chiều của 5 biến độc lập (GRDP, KLVC, CSDT, SL, CL) lên biến phụ thuộc như giả thuyết đã đề cập với mức độ ảnh hưởng ảnh hưởng từ cao đến thấp gồm: Cơ sở hạ tầng; Quy mô thị trường; Luật pháp và cơ chế chính sách; Số lượng lao động; Chất lượng lao động. Có thể thấy, hệ số $R^2 = 0.331698$, cho thấy, mối quan hệ mức độ thu hút FDI tác động bởi các yếu tố khác được kiểm định là tương đối chặt chẽ. Với 5 yếu tố kiểm định (Quy mô thị trường; Cơ sở hạ tầng; Luật pháp và cơ chế chính sách; Số lượng lao động; Chất lượng lao động) đã giải thích được 33.16% sự thay đổi mức độ thu hút FDI. Cùng với loạt kiểm định về các khuyết tật của mô hình hồi quy, có thể khẳng định mô hình được sử dụng nghiên cứu là hoàn toàn phù hợp và thỏa mãn các điều kiện của OLS.

BẢNG 2: THỐNG KÊ MÔ TẢ CÁC BIẾN TRONG MÔ HÌNH

Biến số	Số quan sát	Giá trị trung bình	Giá trị lớn nhất	Giá trị nhỏ nhất	Độ lệch chuẩn
LNFDI	104	2.801383	4.936455	1.238046	0.795443
LNGRDP	104	4.834577	5.194137	4.450972	0.166936
LNKLVC	104	3.909688	4.636137	3.003891	0.319631
CSDT	104	0.000000	1.000000	0.000000	0.486467
SL	104	56.005	64.2	45.14	3.923246
CL	104	12.65	25.03	8.2	3.220297

BẢNG 3: THỐNG KÊ TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC BIẾN

	LNFDI	LNGRDP	LNKLVC	CSDT	SL	CL
LNFDI	1.000000	0.350554	0.140114	0.130518	0.227189	0.262171
LNGRDP	0.350554	1.000000	0.243435	0.379387	-0.183497	0.519481
LNKLVC	0.140114	0.243435	1.000000	-0.066887	-0.034860	-0.075403
CSDT	0.130518	0.379387	-0.066887	1.000000	-0.446768	0.319490
SL	0.227189	-0.183497	-0.034860	-0.446768	1.000000	-0.133490
CL	0.262171	0.519481	-0.075403	0.319490	-0.133490	1.000000

BẢNG 4: KẾT QUẢ HỒI QUY CỦA MÔ HÌNH

Biến	Biến phụ thuộc FDI			
	Hệ số	Độ lệch chuẩn	Thống kê t	Xác suất
C	-8.975222	2.425497	-3.700365	0.0004
LNGRDP	0.792783	0.518809	1.528081	0.1297
LNKLVC	0.810185	0.224313	3.611844	0.0005
CSDT	0.285358	0.162838	1.752241	0.0828
SL	0.073853	0.018721	3.944995	0.0002
CL	0.038119	0.02425	1.571908	0.1192
R ²	0.331698	Tiêu chuẩn Akaike		2.082872
R ² điều chỉnh	0.297601	Tiêu chuẩn Schwarz		2.235433
Thống kê F	9.728059	Thống kê Durbin-Watson		0.66613
Xác suất (Thống kê F)	0			

Nguồn: Kết quả chạy mô hình trên Eviews

KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 5 nhân tố tác động cùng chiều đến hoạt động thu hút FDI vào ngành công nghiệp chế biến nông sản công nghệ cao tại vùng ĐBSCL theo thứ tự từ cao đến thấp gồm: Cơ sở hạ tầng; Quy mô thị trường; Luật pháp và cơ chế chính sách; Số lượng lao động; Chất lượng lao động.

Đề xuất giải pháp

Một là, về phát triển cơ sở hạ tầng: Cải thiện, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng của từng tỉnh, thành và kết nối giữa các tỉnh, thành thuộc vùng ĐBSCL. Theo đó, cần hoàn thiện hệ thống logistics, hệ thống vận tải đường bộ, đường biển. Đặc biệt, cần xây dựng và hoàn thiện nhanh chóng cảng biển nước sâu trên địa bàn ĐBSCL giúp cho việc vận chuyển hàng hóa qua chế biến đi xuất khẩu đạt hiệu quả tốt hơn. Ngoài ra, hệ thống điện, nước, internet cũng cần phải được cung cấp đầy đủ, chuẩn bị những phương pháp đề phòng khi gặp sự cố. Đặc biệt, cần quy hoạch diện tích đất khu công nghiệp, xây dựng những tuyến đường nối liền giữa những khu vực này và đường cao tốc nối liền các tỉnh, thành...

Hai là, về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Cần tăng cường thu hút, đào tạo nguồn lao động chất lượng

cao đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ kỹ thuật vào hoạt động sản xuất. Thực hiện chương trình liên kết với sinh viên các trường đại học trên cả nước, nhất là các trường có chương trình đào tạo về công nghệ cao ở các tỉnh ĐBSCL với nhiều hình thức, như: tặng học bổng khuyến học, nhận những sinh viên vừa mới tốt nghiệp có trình độ và kiến thức chuyên môn cao về công nghệ, logistics... Ngoài ra, doanh nghiệp có thể thực hiện liên kết và trao đổi nhân lực phù hợp với nhau để đảm bảo quá trình hợp tác của nông dân và các doanh nghiệp chế biến, đơn vị vận chuyển... diễn ra thuận lợi.

Ba là, về phát triển lợi thế so sánh về sản phẩm ngành công nghiệp chế biến nông sản công nghệ cao: Quảng bá hình ảnh tốt đẹp của ĐBSCL tới những nhà đầu tư nước ngoài thông qua truyền thông. Chính phủ và các địa phương trong Vùng cần giao trách nhiệm cho các trung tâm xúc tiến đầu tư của từng khu vực và địa phương để tiếp tục nâng cao công tác quản lý xây dựng và củng cố truyền thông nhằm định vị hình ảnh, thương hiệu của vùng ĐBSCL gắn liền với những lợi thế và 3 sản phẩm chủ lực của Vùng là: lúa gạo, trái cây và thủy sản...

Đồng thời, tổ chức và tham gia các hội chợ, triển lãm về các sản phẩm của công nghiệp chế biến nông sản với đa dạng các loại hàng hóa, sản phẩm được làm ra từ chính nguồn nguyên liệu của nông nghiệp địa phương.

Bên cạnh đó, tổ chức các cuộc thi làm video giới thiệu, phóng sự, các buổi tham quan, trải nghiệm tại các vườn cây trái tại vùng ĐBSCL để thấy được mức độ phong phú và chất lượng tươi ngon, đặc sắc của các loại nông sản thô, từ đó có những ý tưởng, kế hoạch xây dựng doanh nghiệp nông sản chế biến.

Bốn là, về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật:

Cần có những chính sách linh hoạt, hỗ trợ các doanh nghiệp giảm thuế thu nhập, giảm thuế nhập khẩu hàng hóa, máy móc và cho doanh nghiệp vay vốn với lãi suất thấp giúp doanh nghiệp cắt giảm khoản phải chi, tiết kiệm nguồn vốn để đầu tư ngược lại vào máy

móc, nhân sự giúp ổn định sản xuất, kinh doanh khi bước vào thời kỳ khó khăn.

- Chính quyền địa phương cần có chính sách, chương trình hỗ trợ gắn kết, là cầu nối để nông dân và doanh nghiệp tiếp cận với thị trường một cách chủ động và hiệu quả hơn. Chính phủ có thể ban hành một số chính sách về quy hoạch đất hợp lý, phân bổ nguồn lực giữa các ngành nghề giúp ngành nông nghiệp phát triển, đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng cho các doanh nghiệp. Ngoài ra, Chính phủ có thể ban hành những chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp, như: vay vốn tín dụng với lãi suất thấp và thời gian ân hạn trong vài năm đầu, giảm bớt các thủ tục pháp lý khi nhập khẩu, vận chuyển máy móc...

- Nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa. Cơ chế một cửa là hệ thống nhằm xây dựng các công việc được tổ chức khoa học, phân chia bộ phận rõ ràng để giảm bớt các thủ tục, pháp lý không cần thuyết. Chính vì thế, cần có những kế hoạch để xây dựng cơ chế một cửa, tuy nhiên cần xem xét và đánh giá kỹ nhiều vấn đề, như: chi phí chuyển đổi từ nhiều cơ quan về bộ phận một cửa; sự phù hợp tại một số địa phương về văn hóa, vị trí địa lý; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng có thể giải quyết tổng hợp các vấn đề có liên quan với nhau về thủ tục pháp lý.

- Cần điều chỉnh Luật Công nghệ cao (năm 2008) nhằm giúp các doanh nghiệp nhận được nhiều ưu đãi hơn khi ứng dụng công nghệ cao vào hoạt động sản xuất và giúp đỡ các doanh nghiệp này tiếp cận đến thị trường Việt Nam. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kazuhiko Yokota, Akinori Tomohara (2010), Modeling FDI-Induced Technology Spillovers, *The International Trade Journal*, 24(1), 5-34.
2. Kelly Liu, Kevin Daly, Maria Estela Varua (2012), Regional Determinants of Foreign Direct Investment in Manufacturing Industry, *International journal of economics and finance*, 4(12), 178-192.
3. Kelly Liu, Kevin Daly (2011), Foreign Direct Investment in China Manufacturing Industry-Transformation from a Low Tech to High Tech Manufacturing, *International Journal of Business and Management*, 6(7).
4. L.K. Cheng, Y.K. Kwan (2000), What Are the Determinants of the Location of Foreign Direct Investment? The Chinese Experience, *Journal of International Economics*, 51, 379-400.
5. Pravakar Sahoo (2006), *Foreign Direct Investment in South Asia: Policy, Trends, Impact and Determinants*, ADB Institute Discussion Paper, 56.
6. Shiba Shankar PATTAYAT (2016), Examining the determinants of FDI inflows in India, , *Asociatia Generala a Economistilor din Romania - AGER*, 2(607), 225-238.
7. Shekhar Verma, Anil Kumar (2021), FDI in India: An analytical study of FDI opportunity, Growth and Challenges in India and ways to strengthen the FDI, *International Journal of Creative Research Thoughts*, 9(12).